

CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VŨ MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VŨ MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VU MINH BUSINESS TRADE AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110017013

3. Ngày thành lập: 01/06/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6A Ngõ 269/22/4 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901911087

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
7.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543

12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thuốc lá lá; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn da sống và bì sống; - Bán buôn da thuộc; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật. - Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản; - Bán buôn bán thành phẩm, phế liệu, phế thải từ các sản phẩm nông nghiệp dùng để chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn cho nuôi trồng thủy sản. - Bán buôn nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Nhóm này gồm: Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác, kể cả loại dùng để làm giống. - Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống. - Bán buôn các loại gia súc, gia cầm sống, kể cả loại dùng để nhân giống (bao gồm cả giống thủy sản).	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

14.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; - Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế; - Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh. - Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng dạng thịt từ gia súc, gia cầm. - Bán buôn thủy sản - Bán buôn mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc và sản phẩm sữa như bơ, phomat; - Bán buôn thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc), động vật không xương sống khác sống dưới nước. - Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao; - Bán buôn rau, quả - Bán buôn các loại chè đen, chè xanh đã hoặc chưa chế biến, đóng gói, kể cả loại chè đóng gói nhỏ pha bằng cách nhúng gói chè vào nước (chè Lipton, Dilmate). - Bán buôn các loại rau, củ, tươi, đông lạnh và chế biến, nước rau ép; - Bán buôn cà phê hạt, đã hoặc chưa rang, cà phê bột. - Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước quả ép	4632
15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659

19.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Bán buôn than và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;	4661(Chính)
20.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, hạt nhựa, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh	4669
23.	Trồng lúa	0111
24.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
25.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
26.	Trồng cây mía	0114
27.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
28.	Trồng cây lấy sợi	0116
29.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
34.	Trồng cây điều	0123
35.	Trồng cây hồ tiêu	0124
36.	Trồng cây cao su	0125
37.	Trồng cây cà phê	0126
38.	Trồng cây chè	0127
39.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
40.	Trồng cây lâu năm khác	0129
41.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
42.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

45.	Khai thác và thu gom than non	0520
46.	Khai thác dầu thô	0610
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
48.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: Cà phê bột, cà phê hoà tan,...	4722
51.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
52.	Sản xuất cà phê	1077
53.	Sản xuất than cốc	1910
54.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
62.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
63.	Xây dựng nhà để ở	4101
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102

65.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
66.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
67.	Xây dựng công trình điện	4221
68.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
69.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
70.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71.	Xây dựng công trình thủy	4291
72.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ THU HIỀN	Việt Nam	Số 2 Hoàng Ngân, Phường Hiệp An, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	3.600.000.000	30,000	142641508	
2	HÀ HỒNG QUÂN	Việt Nam	Số 9 Ngõ 29 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.400.000.000	70,000	001087010805	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ HỒNG QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087010805

Ngày cấp: 08/03/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 9 Ngõ 29 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9 Ngõ 29 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội